TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 483/2022/QĐST-VHNGĐ	*Tân Phú, ngày 31 tháng 5 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào Điều 212, 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 278/2022/HNST ngày 24 tháng 03 năm 2022 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:[(6)]

* Ông Đỗ Đ, sinh năm 1984,

Địa chỉ thường trú: A15.06 chung cư Kim Hồng – Fortuna, 306-308 V, phường P, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh,

Địa chỉ nơi ở: C1702 chung cư Phú Thạnh, 53 Nguyễn S, phường P, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh,

* Bà Nguyễn T, sinh năm 1985,

Địa chỉ thường trú: A15.06 chung cư Kim Hồng – Fortuna, 306-308 V, phường P, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh,

Địa chỉ nơi ở: B, thị trấn E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:[(8)]

[1] Ông Đỗ Đ và bà Nguyễn T có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 79, quyển số 01/2009, ngày 16/5/2009 của Ủy ban nhân dân xã Bàu Hàm 2, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Mặc dù hai vợ chồng cố gắng hàn gắn hạnh phúc nhưng không mang lại kết quả, mục đích hôn nhân không đạt. Nay xét tình cảm không thể hàn gắn, mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt ông Đ và bà T yêu cầu Tòa án giải quyết việc công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Có 01 (một) con chung tên Đỗ M (nữ), sinh ngày 10/02/2010. Sau khi ly hôn, ông Đỗ Đ và bà Nguyễn T thỏa thuận ông Đỗ Đ nuôi con và yêu cầu bà Nguyễn T cấp dưỡng 4.000.000 (bốn triệu) đồng/tháng; Về tài sản chung và nghĩa vụ dân sự: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết;

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Đỗ Đ và bà Nguyễn T thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 79, quyển số 01/2009, ngày 16/5/2009 của Ủy ban nhân dân xã Bàu Hàm 2, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai không còn giá trị pháp luật kể từ ngày quyết định có hiệu lực.

2.2. Về con chung: Ông Đỗ Đ được quyền trực tiếp nuôi 01 (một) con chung tên Đỗ M (nữ), sinh ngày 10/02/2010 và có quyền yêu cầu bà Nguyễn T cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của ông Đ.

Bà Nguyễn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Ông Đỗ Đ cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở bà T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Trường hợp bà Nguyễn T lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì ông Đ có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của bà T.

Trong trường hợp ông Đỗ Đ không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì trên cơ sở lợi ích của con, bà Nguyễn T hoặc người thân thích, cơ quan, tổ chức có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

2.3. Phương thức cấp dưỡng: Bà Nguyễn T cấp dưỡng nuôi con chung tên Đỗ M (nữ), sinh ngày 10/02/2010 mỗi tháng là 4.000.000 (bốn triệu) đồng. Bắt đầu thi hành từ tháng 06/2022.

Nghĩa vụ cấp dưỡng chấm dứt theo quy định tại Điều 118 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2015;

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết;

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015;

2.4. Về tài sản chung và nghĩa vụ dân sự: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Lệ phí về việc công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn: 300.000 (ba trăm ngàn) đồng do ông Đỗ Đ và bà Nguyễn T nộp nhưng được cấn trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm ngàn) đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0035218 ngày 24/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú. Ông Đ và bà T đã nộp đủ lệ phí.

Trường hợp bản án, quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND quận Tân Phú;
- Chi cục THADS quận Tân Phú;
- UBND xã Bàu Hàm 2, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai (để ghi vào sổ hộ tịch);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Trần Ngọc Oánh